

+ Ngày 04/06/2012, CAD bị Sở giao dịch Chứng khoán Tp.HCM hủy niêm yết do lợi nhuận sau thuế của Công ty âm 03 năm liên tiếp.

+ Ngày 05/06/2012, Công ty nhận thông báo của Trung tâm lưu ký Chứng khoán Việt Nam về việc chốt danh sách đăng ký, lưu ký, bù trừ và thanh toán để chuyển sàn giao dịch từ HSX sang sàn Upcom.

+ Ngày 29/06/2012, Công ty đã hoàn tất đợt phát hành riêng lẻ 12 triệu cổ phiếu tăng vốn điều lệ từ 87.999.270.000 đồng lên 207.999.270.000 đồng.

+ Ngày 18/07/2012, Sở Kế hoạch & Đầu tư tỉnh Cà Mau đã cấp Giấy chứng nhận ĐKKD thay đổi lần thứ 12 của Công ty với số vốn điều lệ là 207.999.270.000 đồng.

+ Ngày 01/11/2012, cổ phiếu CAD đã chính thức giao dịch trên sàn Upcom đến nay.

+ Ngày 11/03/2014, Sở Kế hoạch & Đầu tư tỉnh Cà Mau đã cấp Giấy chứng nhận ĐKKD thay đổi lần thứ 13 của Công ty, thay đổi người đại diện pháp luật là ông Dương Ngọc Thới.

+ Ngày 04/08/2017, Sở Kế hoạch & Đầu tư tỉnh Cà Mau đã cấp Giấy chứng nhận ĐKKD thay đổi lần thứ 14 của Công ty, thay đổi người đại diện pháp luật là ông Nguyễn Kim Ngân Dũng.

+ Ngày 06/09/2017, Sở Kế hoạch & Đầu tư tỉnh Cà Mau đã cấp Giấy chứng nhận ĐKKD thay đổi lần thứ 15 của Công ty, thay đổi người đại diện pháp luật là ông Sầm huy Bình.

+ Ngày 17/10/2020, Sở Kế hoạch & Đầu tư tỉnh Cà Mau đã cấp Giấy chứng nhận ĐKKD thay đổi lần thứ 16 của Công ty, thay đổi người đại diện pháp luật là ông Nguyễn Văn Chính.

+ Ngày 13/04/2021, Sở Kế hoạch & Đầu tư tỉnh Cà Mau đã cấp Giấy chứng nhận ĐKKD thay đổi lần thứ 17 của Công ty, thay đổi trụ sở công ty về ấp Đầm Cù, xã Trần Thới, huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau.

+ Ngày 13/07/2024, Sở Kế hoạch & Đầu tư tỉnh Cà Mau đã cấp Giấy chứng nhận ĐKKD thay đổi lần thứ 18 của Công ty, cấp nhật lại CCCD của người đại diện theo pháp luật.

+ Ngày 07/08/2028, Sở Kế hoạch & Đầu tư tỉnh Cà Mau đã cấp Giấy chứng nhận ĐKKD thay đổi lần thứ 19 của Công ty, Thay đổi người đại diện theo pháp luật người đại diện theo pháp luật.

- Các sự kiện khác: (không).

2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh:

- Ngành nghề kinh doanh chính: Chế biến và kinh doanh xuất nhập khẩu trực tiếp các mặt hàng nông lâm thủy sản.

- Sản phẩm chính: Tôm các loại, mực các loại, cá các loại....

- Địa bàn kinh doanh: EU, Mỹ, Úc, Hàn Quốc,...

3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý:

- Mô hình quản trị: Thực hiện theo quy định tại điều 137 Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Công ty và các quy định khác có liên quan.

- Cơ cấu bộ máy quản lý:

+ Hội đồng quản trị gồm 03 người. Trong đó: 01 chủ tịch và 02 thành viên.

+ Ban Kiểm soát gồm 03 người. Trong đó 01 trưởng ban và 02 thành viên.

+ Ban Tổng Giám đốc gồm 04 người. Trong đó 01 thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc, và 01 Giám đốc điều hành, 2 Phó Giám Đốc.

+ 01 Kế Toán trưởng

+ Các phòng ban gồm: Phòng tổ chức hành chánh; Phòng quản lý chất lượng; phòng kế toán; phòng kinh doanh; phòng cơ điện lạnh và xây dựng cơ bản; phòng thống kê.

+ Các đơn vị trực thuộc: Xí nghiệp chế biến thủy sản xuất khẩu Nam Long tại ấp Đàm Cùng, xã Trần Thới, huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau;

- Các công ty con, công ty liên kết: Không có.

4. Định hướng phát triển:

- Các mục tiêu chủ yếu của Công ty:

+ Duy trì bộ máy, duy trì lực lượng công nhân, công nhật.

+ Cũng cố hệ thống khách hàng đầu vào, đầu ra.

- Chiến lược phát triển trung và dài hạn:

+ Do tình hình khó khăn về tài chính, công ty Cadovimex đang kêu gọi nhà đầu tư có năng lực tài chính tái cấu trúc công ty.

- Các mục tiêu đối với môi trường, xã hội và cộng đồng của Công ty:

+ Giải quyết việc làm, tạo thu nhập ổn định đời sống vật chất, tinh thần cho công nhân công ty.

+ Chấp hành các quy định về bảo vệ tài nguyên môi trường, an toàn lao động trong lĩnh vực công ty tham gia hoạt động.

5. Các rủi ro:

- Công ty đang trong tình trạng thiếu vốn, hoạt động cầm chừng nhằm giữ lực lượng lao động, ảnh hưởng đến sự hoạt động liên tục.

- Giá cả nguyên liệu không ổn định, khách hàng mất niềm tin, thị trường tiêu thụ ngày càng thu hẹp.

II. Tình hình hoạt động trong năm:

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh:

- Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm:

STT	Diễn giải	ĐVT	KẾ HOẠCH NĂM	THỰC HIỆN NĂM	THỰC HIỆN NĂM	Tăng (Giảm) so cùng	Tỷ lệ % đạt so KH năm
-----	-----------	-----	--------------	---------------	---------------	---------------------	-----------------------

			2025	2024	2025	kỳ	2025
1	Sản lượng chế biến	Tấn	x	x	x	x	0%
2	Sản lượng mua ngoài	Tấn	x	x	x	x	0%
3	Sản lượng gia công	Tấn	1.200	690	1.115	425	93%
4	Doanh thu thuần	Tỷ	27	14.9	22.3	7,7	82.5%
5	Kim ngạch XK (USD)	Triệu	00	00	00	00	00%
6	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ	0	(79)	(2,8)	76.2	(x%)
7	Cán bộ CNV	Người	150-200	58	50	(8)	38,7%

*** Đánh giá kết quả:**

Hầu hết các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh năm 2025 đều không đạt so với kế hoạch và giảm mạnh so với cùng kỳ cụ thể:

- Công ty hoạt động SXKD chủ yếu phụ thuộc vào nguồn vốn vay, tuy nhiên các tổ chức tín dụng dừng cho vay từ tháng 08 năm 2015 đến nay, không có vốn thu mua, sản xuất, chỉ hoạt động chủ yếu từ các dịch vụ cho thuê kho, thuế code và nhận hàng gia công thuê cho các đơn vị cùng ngành nhằm duy trì đời sống cán bộ công nhân lao động.

- Máy móc thiết bị phần lớn đã sử dụng nhiều năm qua hơn 20 năm sử dụng, thường xảy ra hư hỏng, chưa có điều kiện nâng cấp sửa chữa lớn hoặc thay thế.

2. Tổ chức và nhân sự:

2.1. Danh sách Ban điều hành:

* Họ và tên: **Lê Tấn Kiệt**, Giám đốc công ty.

- Giới tính: Nam.

- Năm sinh: 1976.

- Nơi sinh: Số 126, ấp Đông Hưng, xã Cái Nước, tỉnh Cà Mau.

- CCCD số: 096076010904 cấp ngày 02/07/2021, nơi cấp: Cục QL HC về Trật Tự XH.

- Quốc tịch: Việt Nam.

- Dân tộc: Kinh.

- Địa chỉ thường trú: Số 126, ấp Đông Hưng, xã Cái Nước, tỉnh Cà Mau..

- Trình độ văn hóa: 12/12.

- Trình độ chuyên môn: Trung cấp chế biến thủy sản.

2.2. Những thay đổi trong ban điều hành (không):

2.3. Số lượng cán bộ công nhân viên: 50 người.

醞F đ° A A A A Trình độ thạc sỹ: 0 người.

- Trình độ thạc sỹ: 0 người.
- Trình độ đại học, cao đẳng: 5 người.
- Trình độ trung cấp: 10 người.
- Trung cấp nghề: 3 người.
- Trình độ khác dưới trung cấp: 32 người.

Người lao động ký hợp đồng với Công ty theo Luật Lao động, được tham gia đầy đủ các chế độ, chính sách theo quy định, đồng thời được Công ty hỗ trợ tiền ăn 600.000 đồng/ người/ tháng. Công ty có nhà tập thể cho người lao động ở miễn phí, phòng ở được trang bị đầy đủ điện, nước,... cho người lao động sử dụng.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án:

- a) Các khoản đầu tư lớn: Không có.
- b) Các công ty con, công ty liên kết: Không có.

4. Tình hình tài chính:

a) Tình hình tài chính:

(Báo cáo tài chính năm 2025 chưa kiểm toán)

Đơn vị tính: Đồng

Chỉ tiêu	Năm 2024	Năm 2025	% tăng (giảm)
Tổng giá trị tài sản	9.664.954.325	11.571.353.867	19,7
Doanh thu thuần	14.940.277.511	22.377.111.526	49,7
Lợi nhuận từ HĐKD	(78.296.798.671)	(2.189.895.588)	97,1
Lợi nhuận khác	(1.210.981.401)	(614.154.855)	43,4
Lợi nhuận trước thuế	(79.507.780.072)	(2.804.050.443)	96,4
Lợi nhuận sau thuế	(79.507.780.072)	(2.804.050.443)	96,4
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	(3.823)	(135)	96,4

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

Các chỉ tiêu	Năm 2024	Năm 2025	Ghi chú
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn: (TSNH/Nợ ngắn hạn)	0,003	0,0046	
+ Hệ số thanh toán nhanh: (TSNH – Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn	0,003	0,0044	

❖ Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
+ Hệ số nợ/Tổng tài sản	156,85	131.48	
+ Hệ số nợ/ Vốn chủ sở hữu	(1,006)	(1,0077)	
2. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động:			
+ Vòng quay hàng tồn kho:	84.2	83.61	
(Giá vốn hàng bán/ Hàng tồn kho bình quân)			
+ Doanh thu thuần/ Tổng tài sản	1,5	1,93	
3. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
+ Hệ số lợi nhuận sau thuế/ Doanh thu thuần	(5,32)	(0.13)	
+ Hệ số lợi nhuận sau thuế/ Vốn chủ sở hữu	0.05	0.0019	
+ Hệ số lợi nhuận sau thuế/ Tổng tài sản	(8,23)	(0.242)	
+ Hệ số lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/ Doanh thu thuần.	(5,24)	(0.979)	

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:

a) Cổ phần:

- Tổng số cổ phần đang lưu hành là: 20.799.927 cổ phần.
- Loại cổ phần: Cổ phần phổ thông.
- Số cổ phần chuyển nhượng tự do là: 20.799.927 cổ phần;
- Số cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật là: 0 cổ phần.

b) Cơ cấu cổ đông:

Danh mục	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ (%)	Số cổ đông (người)
* Tổng số lượng cổ phần phổ thông:	20.799.927	100,00	1.888
- Cổ đông sáng lập:	1.691.077	8.13	2
- Cổ đông lớn: (*)	10.650.000	51,20	1
- Cổ đông nắm giữ từ 1% đến dưới 5%	2.891.618	13,90	6
- Cổ đông nắm giữ dưới 1% cổ phần có quyền biểu quyết.	5.567.232	26,77	1.879
* Trong đó:			
+ Nhà nước:	0	0	0
+ Người nước ngoài:	1.690.936	8.130	10

(Theo danh sách chốt ngày 17/06/2025)

c) *Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:*

Trong năm 2025 Công ty không phát hành cổ phiếu thêm.

d) *Giao dịch cổ phiếu quỹ:* Không có.

e) *Các chứng khoán khác:* Không có.

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty.

6.1. Tác động lên môi trường.

Tổng phát thải khí nhà kính (GHG) trực tiếp và gián tiếp : Không có.

Các sáng kiến và biện pháp giảm thiểu phát thải khí nhà kính : Không có.

6.2. Quản lý nguồn nguyên vật liệu

a) Tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất và đóng gói các sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức trong năm.

- Dây thép: 519 cuộn.

- Băng keo: 5.520 cuộn

- Clo: 540 kg

- Nước đá: 74.086 cây

b) Báo cáo tỉ lệ phần trăm nguyên vật liệu được tái chế được sử dụng để sản xuất sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức: (Không).

6.3. Tiêu thụ năng lượng.

a) Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp

- Điện : 1.528.518 kw

- Dầu: 14.172 lít

b) Năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả.(không)

c) Các báo cáo sáng kiến tiết kiệm năng lượng (không)

6.4. Tiêu thụ nước:

a) Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng.

- Sử dụng nước ngầm từ giếng khoan.

b) Tỷ lệ phần trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng : (không)

6.5. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường

a) Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường (không).

b) Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường (không)

6.6. Chính sách liên quan đến người lao động:

a) Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động.

- Số lượng lao động 50 người.

- Mức lương trung bình đối với người lao động : 7.800.000đ/tháng

b) Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động.

- Công ty trang bị đầy đủ các thiết bị an toàn lao động như thiết bị phòng cháy, chữa cháy, phòng độc, quần áo bảo hộ lao động đặt may bằng loại vải bền, đẹp, đúng kích cỡ, tạo cho người lao động được thoải mái khi làm việc.

- Các chế độ phúc lợi của người lao động được thực hiện đúng như thỏa ước lao động tập thể của công ty, có đại diện tổ chức Công đoàn ký kết với người sử dụng lao động.

- Công ty có nhà ăn tập thể miễn phí cho công nhân và có nhà ở tập thể miễn phí để người lao động an tâm làm việc.

c) Hoạt động đào tạo người lao động

- 100% CBNV Công ty được tập huấn chuyên môn 1 lần trong năm.

- Liên kết với các trung tâm giáo dục nghề trên địa bàn thường xuyên mở các lớp tập huấn nâng cao tay nghề cho CBNV Công ty.

6.7. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương

- Công ty thường xuyên tham gia các phong trào của địa phương phát động như ủng hộ trẻ khó khăn được đến trường, xây nhà cho người có công, người neo đơn, ...

6.8. Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN : không có

III. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc:

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:

a. Thuận lợi:

- Nhà máy nằm tại vùng nguyên liệu dồi dào của Tỉnh nên có hệ thống khách hàng cung cấp nguyên liệu với sản lượng lớn vào mùa vụ. Đặc biệt là sản lượng mực các loại.

- Công ty Cadovimex có lợi thế về thị trường mực, phù hợp cho doanh nghiệp trong thời kỳ khó khăn về vốn.

- Thương hiệu Cadovimex được biết đến bởi nhiều quốc gia, nhiều thị trường.

- Hệ thống quản lý chất lượng được duy trì ổn định, đạt tiêu chuẩn quốc tế.

- Được sự quan tâm, chỉ đạo thường xuyên và sâu sát của Chủ tịch hội đồng quản trị.

b. Khó khăn:

Trong quá trình kinh doanh Công ty bị khách hàng chiếm dụng vốn dài hạn trên 150 tỷ đồng qua nhiều năm chưa thu hồi được, kinh doanh bị lỗ qua các năm, và các ngân hàng dừng cấp tín dụng từ tháng 8/2015 đến nay...,

Từ đó đến nay Công ty Cadovimex không có vốn thu mua sản xuất, mà chỉ tự xoay sở bằng nguồn thu hạn hẹp từ cho thuê các dịch vụ xuất khẩu, nhận gia công thuê cho các đơn vị cùng ngành nhằm duy trì đời sống công nhân lao động để chờ nhà đầu tư mới tái cấu trúc công ty.

Đội ngũ cán bộ chủ chốt, cán bộ chuyên môn nghiệp vụ và công nhân lao động trực tiếp lo ngại về diễn cảnh rủi ro công ty ngừng hoạt động nên xin chuyển công tác khác, nghỉ việc đồng loạt.

Khách hàng đầu vào và đầu ra bị sụt giảm.

Nhà xưởng, máy móc thiết bị cũ kỹ, xuống cấp nghiêm trọng, thời gian chạy đông kéo dài, hao hụt trong chế biến cao.

2. Tình hình tài chính (báo cáo tài chính chưa kiểm toán năm 2025):

2.1. Tình hình tài sản:

Tổng tài sản: 11.571.353.867 đồng.

Trong đó:

2.1.1. Tài sản ngắn hạn: 6.972.064.453 đồng.

2.1.2. Tài sản dài hạn: 4.599.289.414 đồng.

- Nợ phải thu dài hạn: 0 đồng.

- Tài sản cố định: 4.599.289.414 đồng.

Trong đó:

+ Tài sản cố định hữu hình:

Nguyên giá: 73.197.365.904 đồng;

Hao mòn: 68.598.076.490 đồng;

Giá trị còn lại: 4.599.289.414 đồng;

+ Tài sản cố định vô hình:

+ Nguyên giá: 80.000.000 đồng;

+ Hao mòn: 80.000.000 đồng;

+ Giá trị còn lại: 0 đồng.

* Tài sản cố định tăng trong kỳ: 0 đồng.

Tài sản tăng do mua sắm mới: 0 đồng.

* Tài sản cố định giảm trong kỳ: 40.000.000 đồng .

Tài sản giảm do thanh lý máy móc, thiết bị cũ kỹ, không còn sử dụng, và khấu hao tài sản cố định.

2.2. Tình hình nợ phải trả:

Tình hình nợ hiện tại, biến động lớn về các khoản nợ:

* Dư nợ các ngân hàng đến 31/12/2025: (theo từng ngân hàng)

- Nợ vay ngắn hạn: 444.162.026.498 đồng.

- + Agribank Cà Mau: 132.832.018.033 đồng; Quá hạn: 132.832.018.033 đồng
- + VCB Cà Mau: 39.194.360.388 đồng; Quá hạn: 39.194.360.388 đồng
- + VDB: 95.421.701.154 đồng; Quá hạn: 95.421.701.154 đồng
- + BIDV: 108.875.230.770 đồng; Quá hạn: 108.875.230.770 đồng
- + MB Hậu Giang: 67.838.716.153 đồng; Quá hạn: 67.838.716.153 đồng
- Nợ vay trung dài hạn: 0 đồng.

*** Phải nhà cung cấp:**

- Phải trả người bán: 25.070.098.363 đồng.
- Người mua trả tiền trước: 373.550.533 đồng.
- Phải trả người lao động: 2.358.789.095 đồng.
- Chi phí phải trả: 148.636.074 đồng.
- Phải trả khác: 1.048.085.789.362 đồng.

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý.

- Không ngừng Sắp xếp gọn bộ máy quản lý, giảm lực lượng gián tiếp, bán trực tiếp.

- Thực hiện chính sách khoán lương cho bộ phận.

4. Kế hoạch năm 2026.

4.1. Nhận định những thuận lợi:

- Thương hiệu CADOVIMEX được giữ vững trên thị trường trong nước và quốc tế (Có 03 Code xuất khẩu: Xuất vào thị trường Mỹ: DL72, xuất vào thị trường Châu Âu: DL72, DL85, DL180).

- Hệ thống quản lý chất lượng đạt yêu cầu như: ISO 9001-2008, HACCP, BRC7, BAP.

- Đội ngũ cán bộ quản lý còn lại của công ty nhiệt tình, chịu khó, có kinh nghiệm trong ngành thủy sản: từ thu mua, sản xuất, chất lượng đến tiêu thụ sản phẩm.

Song song với những thuận lợi cơ bản như trên, trong năm 2021 Công ty sẽ gặp một số khó khăn như sau:

4.2. Khó khăn:

- Không có vốn để sản xuất kinh doanh, chủ yếu nhận gia công thuê các đơn vị cùng ngành để duy trì bộ máy.

- Nhà xưởng, máy móc thiết bị quá cũ, công nghệ lạc hậu, hao phí điện năng, định mức cao, khấu hao lớn không được nâng cấp, thay mới nên ảnh hưởng đến chi phí giá thành dẫn đến hiệu quả thấp.

- Cán bộ, công nhân viên lao động sụt giảm trong điều kiện công ty tiếp tục khó khăn.

4.3. Một số chỉ tiêu kế hoạch năm 2026:

- Thực hiện theo mùa vụ và khách hàng thuê gia công.
- Tiếp tục tìm nhà đầu tư có năng lực tài chính tái cấu trúc công ty.

4.4. Một số giải pháp thực hiện:

- Tiếp tục sắp xếp bộ máy quản lý tinh gọn, và giữ được lực lượng công nhân trực tiếp sản xuất;
- Huy động khách tối đa nguồn hàng gia công, nâng sản lượng bù lương công nhân;
- Cho thuê kho lạnh, thực hiện các dịch vụ xuất khẩu để tạo nguồn thu bù đắp lương và chi phí;

5. Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán (nếu có) – (Trường hợp ý kiến kiểm toán không phải là ý kiến chấp thuận toàn phần).

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty:

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty:

- Nhân sự và tổ chức bộ máy: Tổ chức bộ máy còn chưa phù hợp, đặc biệt là bộ phận gián tiếp và bán trực tiếp còn thừa, công nhân trực tiếp sản xuất thì thiếu. Cần tiếp tục chấn chỉnh.
- Hoạt động kinh doanh: Đây là bộ phận có điều hành trực tiếp từ khâu thu mua đến bán hàng, khảo sát, nắm bắt tình hình giá, sản lượng nguyên liệu.
- Tổ chức, điều hành sản xuất: Điều hành sản xuất đạt được một số kết quả nhất định, có cơ chế khoán định mức trong khâu chế biến, phù hợp với khả năng, năng lực hiện có. Tuy vậy vẫn còn nhiều vấn đề cần lưu ý cần phải chấn chỉnh.
- Quản lý chất lượng sản phẩm: Ổn định về mặt chất lượng, Quy trình sản xuất, kiểm tra chất lượng được thực hiện theo quy định.
- Vận hành và hiện trạng máy móc thiết bị: Hệ thống nhà xưởng, máy móc thiết bị hiện nay hầu như đã bị xuống cấp do đầu tư thời gian dài, lạc hậu, dẫn đến hao phí trong chế biến cao.
- Tài chính - Kế toán: Đã theo dõi, phản ánh kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh kịp thời.

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc Công ty

Ban Tổng giám đốc Công ty gồm có 04 thành viên: 1 Giám đốc, 3 phó giám đốc, trong năm vừa qua đã tập trung thực hiện được những vấn đề sau:

- Duy trì được hoạt động sản xuất kinh doanh trong điều kiện công ty hết sức khó khăn;
 - Sắp xếp, tinh gọn bộ máy, giảm lực lượng gián tiếp, bán trực tiếp;
 - Sửa chữa, nâng cấp một số máy móc thiết bị,
 - Từng bước cải tiến công tác quản lý chi phí, quản lý sản xuất kinh doanh,
- Tuy vậy Ban Tổng giám đốc cần tập trung lưu ý các vấn đề sau:

- Có kế hoạch thu nhận công nhân có tài năng.
- Sửa chữa, bảo trì, nhà xưởng, máy móc thiết bị,

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị.

- Làm việc với nhà đầu tư có năng lực tài chính tái cấu trúc công ty,
- Duy tu, bảo dưỡng hệ thống máy móc thiết bị,
- Chỉ đạo tăng cường công tác quản lý chi phí.

V. Quản trị công ty:

1. Hội đồng quản trị

a) Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị:

Họ và tên	Tỷ lệ sở hữu cổ phần CQBQ do Cty phát hành	Chức danh tại Công ty	Số lượng chức danh TV HĐQT nắm giữ tại các Cty khác
1. Khương Thị Minh Hằng	00%	Chủ tịch HĐQT	
2. Sầm Minh Đức	00%	TV HĐQT	
3. Lê Tấn Kiệt	00%	TV HĐQT kiêm Giám đốc	

b) Các tiểu ban của HĐQT:

Số TT	Tên tiểu ban	Tên thành viên	Chức danh
1	Tiểu ban kiểm tra giám sát hoạt động về nhân sự, thực hiện chế độ về tiền lương.	Trần Thanh Bằng	Trưởng ban
		Nguyễn Chí Nam	Thành viên
		Trần Thanh Nhất	Thành viên
		Trần Thiện Thanh	Thành viên
		Lê Thị Liên	Thành viên
2	Tiểu ban giám sát hoạt động thi công, mua sắm VT, TB và CCDC	Lê Tấn Kiệt	Trưởng ban
		Nguyễn Kiên Giang	Phó ban
		Châu Văn Chiến	Phó ban
		Trần Thiện Thanh	Thành viên

		Nguyễn Văn Đà	Thành viên
		Võ Thị Cẩm Hường	Thành viên

c) *Hoạt động của HĐQT:*

Trong năm 2025, HĐQT tổ chức 09 cuộc họp. Mỗi cuộc họp HĐQT đều ra một số Nghị quyết cụ thể như sau:

STT	Số Nghị quyết/quyết định	Ngày ban hành	Nội dung
01	Số: 01/2025/NQ-HĐQT - CADO	10/02/2025	- Ủy quyền điều hành sản xuất kinh doanh cho ông Lê Tấn Kiệt toàn quyền quyết định
02	Số: 58/2025/ NQĐHĐCĐ-CADO	12/07/2025	- Nghị quyết đại hội đồng cổ đông năm 2025

Trong năm 2025, Hội đồng quản trị thực hiện giám sát hoạt động của Ban Giám đốc chủ yếu xoay quanh các nội dung sau:

- Giám sát công tác chỉ đạo và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh;
- Giám sát việc thực hiện các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông công ty và của Hội đồng quản trị;
- Giám sát việc tổ chức thực hiện công tác báo cáo tài chính giữa niên độ và báo cáo tài chính năm.

d) *Hoạt động của các thành viên HĐQT độc lập không điều hành:*

Theo báo cáo tại phần V.1.a về số lượng, cơ cấu thành viên HĐQT, gồm có 3 thành viên, trong đó có 1 thành viên HĐQT điều hành trực tiếp còn lại 2 thành viên độc lập không điều hành.

Những thành viên HĐQT điều hành trực tiếp tham gia xuyên suốt quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty.

Những thành viên HĐQT độc lập không điều hành thường chỉ tham gia qua các lần họp HĐQT quý, đại hội cổ đông thường niên năm, hoặc cho ý kiến khi Ban giám đốc cần xin ý kiến bằng văn bản, hoặc tham gia từng vụ việc có liên quan do Chủ tịch HĐQT phân công.

e) *Hoạt động của các tiểu ban trong HĐQT:*

Theo báo cáo tại phần V.1.b về số lượng, cơ cấu tiểu ban HĐQT, gồm có 2 tiểu ban.

Những tiểu ban này do thành viên HĐQT điều hành trực tiếp hoạt động tích cực, có kiểm tra giám sát, họp đánh giá, rút kinh nghiệm, triển khai kế hoạch... gắn liền với hoạt động sản xuất kinh doanh thường xuyên của công ty..

f) Danh sách các thành viên HĐQT có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty, danh sách các thành viên HĐQT tham gia các chương trình về quản trị công ty trong năm (không).

2. Ban Kiểm soát:

a) Thành viên và cơ cấu Ban Kiểm soát:

Họ và tên	Chức danh	Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết do Cty phát hành
1. Lê Thành Công	Trưởng BKS	0%
2. Nguyễn Chí Nam	Thành viên BKS	0%
3. Lê Minh Phường	Thành viên BKS	0%

b) Hoạt động của Ban Kiểm soát:

Ban Kiểm soát đã tiếp nhận đầy đủ các báo cáo và kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị.

Ban Kiểm soát thực hiện nhiệm vụ thay mặt cổ đông kiểm tra, giám sát hoạt động sản xuất kinh doanh, quản trị và điều hành trên cơ sở các quy định của pháp luật, điều lệ của công ty.

Trong năm 2025, Ban Kiểm soát họp thường lệ 02 lần theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ của Công ty.

Qua kiểm tra, giám sát, Ban Kiểm soát chưa phát hiện các trường hợp bất thường nào khác trong hoạt động của HĐQT, Ban Tổng Giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý khác.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của HĐQT, Ban Giám đốc và Ban Kiểm soát.

a) Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích:

TT	Họ và tên	Chức danh	Lương	Thư ỏng	Thù lao	Chi phí	Ghi chú
1	Khương Thị Minh Hằng	Chủ tịch HĐQT			240.000.000		
2	Nguyễn Văn Chính	Thành viên HĐQT kiêm Tổng giám đốc.	146.130.422		95.806.452		MN
3	Lê Tấn Kiệt	Thành viên HĐQT kiêm giám đốc.	159.957.456		84.193.548		BN
4	Sầm Minh Đức	Thành viên HĐQT			180.000.000		
5	Vũ Thị Thu	Trưởng Ban Kiểm soát			31.935.484		MN
6	Châu Long	Thành viên Ban Kiểm soát	18.407.717		19.161.290		MN

7	Đoàn Kim Thanh	Thành viên Ban Kiểm soát			19.161.290		MN
8	Lê Thành Công	Trưởng Ban Kiểm soát			28.064.516		BN
9	Nguyễn Chí Nam	Thành viên Ban Kiểm soát	97.312.084		16.837.710		BN
10	Lê Minh Phường	Thành viên Ban Kiểm soát	57.468.876		16.837.710		BN
Cộng:			479.276.555		731.998.000		

b) *Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ:*

b) Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ:

ST T	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với cổ đông nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ				Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng,...)
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ	Số cổ phiếu	Tỷ lệ		

c) Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ: Không có

d) Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty:

Chấp hành tốt điều lệ, quy chế, quy định công ty trong điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh.

Tổ chức thực hiện nghị quyết của Đại hội cổ đông; nghị quyết, chỉ thị, quyết định của HĐQT và chủ tịch HĐQT.

VI. Báo cáo tài chính (kiểm toán):

1. Ý kiến kiểm toán:

2. Báo cáo tài chính được kiểm toán:

Nơi nhận:

-;
- Lưu: VT, ...

**XÁC NHẬN CỦA ĐẠI DIỆN THEO
PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY**

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)



Lê Tấn Kiệt